TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 10/02 /2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Nguyễn Thị Non

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 688/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số A, đường T, khóm L, phường K, TP. C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm: 1980, Địa chỉ: số L đường A, khóm K, phường C, TP. C, tỉnh C. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2021 (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Hy T P, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 181, đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021 và tại phiên tòa ông Đặng Minh H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/6/2021, ông Phạm Văn D có cho ông Lê Hy T P mượn số tiền 1.400.000.000 đồng. Khi mượn tiền ông Lê Hy T P có viết giấy biên nhận tiền, mục đích mượn tiền để xoay sở việc kinh doanh và ông Phi có hứa đến cuối tháng 6/2021 (tức ngày 30/6/2021) sẽ trả lại số tiền trên cho ông Phạm Văn D. Nhưng đến ngày hẹn ông P không trả tiền, ông D có đòi nhiều lần nhưng ông D hẹn hết

lần này đến lần khác nhưng không trả tiền cho ông D. Tại đơn khởi kiện ông Phạm Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Hy T P trả lại cho ông Phạm Văn D số tiền vốn là 1.400.000.000 đồng và tính lãi 1,66%/tháng từ ngày ông P hứa trả tiền (ngày 01/7/2021) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu lãi theo qui định từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là 07 tháng 09 ngày.

Đối với ông Lê Hy T P: Mặc dù ông Phi đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng ông Lê Hy T P vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.400.000.000đ phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa ông Phạm Văn D và ông Lê Hy T P là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại giấy biên nhận ngày 17/06/2021 đã thể hiện nội dung: "Tôi Lê Hy T P số CMND 380996991, SN 1978, ngụ tại 181 đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 6, TP. Cà Mau, có mượn của ông Phạm Văn D số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), lý do: giao dịch kinh doanh". Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân ông Phi đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng ông không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, ông cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên yêu cầu của của ông Phạm Văn D về việc buộc ông Lê Hy T P trả số tiền nợ gốc đã vay là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận giao dịch vay của các đương sự là vay không lãi nhưng thời hạn vay thỏa thuận đến cuối tháng 6/2021 bị đơn phải trả lại vốn nên tại đơn khởi kiện ông Phạm Văn D yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là 07 tháng 09 ngày là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, về mức lãi, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả với mức lãi suất 1,66%/tháng cao hơn qui định pháp luật nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn tự nguyện yêu cầu điều chỉnh lại theo qui định pháp luật. Tại khoản 4 điều 466 BLDS qui định "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác

hoặc luật có quy định khác". Theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự qui định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Do đó lãi suất được chấp nhận là 0,83%/tháng. Được tính cụ thể như sau: 1.400.000.000đ x 0,83% x 07 tháng 09 ngày = 84.826.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D. Buộc ông Lê Hy T P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn D khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 1.484.826.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 1.400.000.000 đồng, tiền lãi là 84.826.000 đồng.

Kể từ ngày ông Phạm Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hy T P không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Hy T P phải chịu 56.544.000 đồng (chưa nộp). Ông Phạm Văn D không phải chịu án phí. Ngày 03/12/2021 ông Phạm Văn D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.673.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0000704) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Phạm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hy T P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Nguyễn Thị Non

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 415/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng vay, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 154 đường Trần Hưng Đạo, khóm 8, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đặng Minh Hải, sinh năm: 1980, Địa chỉ: số 24 đường 3/2 khóm 5, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2021 (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Hy T P, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 181, đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D. Buộc ông Lê Hy T P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn D khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 1.569.652.000 đồng. Trong đó: Tiền vốn là 1.400.000.000 đồng, tiền lãi là 169.652.000 đồng.

Kể từ ngày ông Phạm Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hy T P không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Hy T P phải chịu 59.090.000 đồng (chưa nộp). Ông Phạm Văn D không phải chịu án phí. Ngày 03/12/2021 ông Phạm Văn D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.673.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0000704) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Phạm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hy T P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày, có đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
	Trịnh Xuân Trúc

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

3. Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 467. Sử dụng tài sản vay

Các bên có thể thỏa thuận về việc tài sản vay phải được sử dụng đúng mục đích vay. Bên cho vay có quyền kiểm tra việc sử dụng tài sản và có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn nếu đã nhắc nhở mà bên vay vẫn sử dụng tài sản trái mục đích.

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Điều 469. Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.

Điều 470. Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.